

CHIẾT TÍNH PHỤ TRỢI NĂM HỌC 2014 - 2015
KHOA CÔNG NGHỆ ĐỘNG LỰC

STT	HỌ TÊN		Khung định mức giờ chuẩn	Tổng số tiết thực hiện thừa thiếu NH 2014 -2015	Số tiết thừa 13-14	Số tiết thiếu NH (14-15) sau khi trừ NH (13-14)	Tổng hệ số	Lương 12 tháng	Lương dạy thêm 1 giờ	Tổng số tiền				Số thuế TNCN tạm khấu trừ	Số tiền thực nhận	Ghi chú
										Phụ trợi tính đến (200tiết)	Số tiền (thừa trên 200 tiết năm 2013-2014	Số tiền (thừa trên 200 tiết năm 2014-2015	Tổng cộng			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
1	Hà Quốc Bảo	260	(17,6)	1,5	(16,1)	2,925	40.365.000	100.763					0		0	
2	Hoàng Phúc Bảo	260	(135,0)	83,7	(51,3)	2,925	40.365.000	100.763					0		0	
3	Nguyễn Thái Bình	260	(105,5)		(105,5)	3,338	46.057.500	114.973					0		0	
4	Nguyễn Thành Đức	260	(109,0)	50,9	(58,1)	3,338	46.057.500	114.973					0		0	
5	Trần Quốc Duy	260	(135,6)		(135,6)	2,925	40.365.000	100.763					0		0	
6	Hồ Văn Hóa	260	(78,2)	73,4	(4,8)	2,925	40.365.000	100.763					0		0	
7	Nguyễn Thanh Hùng	260	(45,9)	46,9		2,925	40.365.000	100.763		55.000			55.000	0	55.000	
8	Phan Anh Tuấn Kiệt	260	(101,8)	135,4		4,258	58.753.500	146.666		1.848.000			1.848.000	0	1.848.000	
9	Nguyễn Hữu Mạnh	260	7,9	123,9	0,0	4,290	59.202.000	147.786	1.167.509	6.814.500			7.982.009	509.284	7.472.725	
10	Triệu Phú Nguyên	260	(45,3)	167,9		4,063	56.062.500	139.949		6.743.000			6.743.000	424.300	6.318.700	
11	Nguyễn Ngọc Phương	310	430,3	230,6	0,0	8,509	117.430.603	245.861	49.172.200	12.683.000	12.666.500	74.521.700	11.589.290	62.932.410		
12	Đặng Thái Sơn	260	(56,1)	43,9	(12,2)	3,338	46.057.500	114.973					0		0	
13	Nguyễn Minh Thái	260	(29,0)	76,7		3,338	46.057.500	114.973		2.623.500			2.623.500	0	2.623.500	
14	Võ Đắc Thịnh	290	5,9	204,3	0,0	5,454	75.259.680	168.436	993.772	11.236.500			12.230.272	1.034.852	11.195.420	
15	Kiều Trung Tín	260	(53,6)		(53,6)	3,338	46.057.500	114.973					0		0	
16	Phạm Nguyễn Đức Trung	260	(84,4)	86,9		2,925	40.365.000	100.763		137.500			137.500	0	137.500	
17	Nguyễn Anh Tuấn	290	193,1	32,3	0,0	4,761	65.707.320	147.057	28.396.707	1.776.500			30.173.207	2.491.528	27.681.679	
18	Trần Minh Tuấn	260	(132,3)		(132,3)	3,338	46.057.500	114.973					0		0	